

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM  
IMEXPHARM/  
IMEXPHARM CORPORATION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 285 /IMP

Tp. Cao Lãnh, ngày 14 tháng 08 năm 2024  
Cao Lãnh City, August 14, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC  
TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION  
ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL  
AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

**Kính gửi/ To:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm  
- *Organization name* : *Imexpharm Corporation*  
- Mã chứng khoán : IMP  
- *Securities Symbol* : *IMP*  
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 04, Đường 30/4, P.1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp  
- *Address* : *No.04, 30/4 Str., W.1, Cao Lanh City, Dong Thap Province*  
- Điện thoại/ *Telephone* : (84.277) 3851 941  
- *Fax* : (84.277) 3853 106  
- Người thực hiện CBTT : Ông Nguyễn An Duy  
- *Submitted by* : *Mr.Nguyen An Duy*  
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc – CFO – Người được ủy quyền CBTT  
- *Position* : *Deputy General Director - CFO- Person authorized to disclose information*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type:*  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố/ *Content of Information disclosure:***

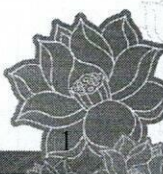
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024./ *Reviewed financial statements 1H2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14 tháng 08 năm 2024 tại đường dẫn: [www.imexpharm.com](http://www.imexpharm.com)

*This information was disclosed on Company's Portal on August 14, 2024, available at: [www.imexpharm.com/en](http://www.imexpharm.com/en)*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*





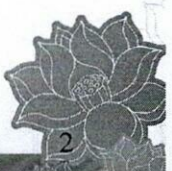
Tài liệu đính kèm/  
Attachment:

-Nhu nội dung CBTT/  
As above.

Đại diện tổ chức <sup>me</sup>  
**Organization representative**  
Người được UQ CBTT  
Person authorized to disclose information



*Nguyễn An Duy*  
**NGUYỄN AN DUY**





**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024





**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp**

1400384433

ngày 1 tháng 8 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1400384433 ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Chun Chaerhan  
Bà Trần Thị Đào  
Ông Trương Minh Hùng  
Ông Chung Suyong  
Bà Hàn Thị Khánh Vinh  
Ông Hoàng Đức Hùng

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Bà Trần Thị Đào  
Ông Huỳnh Văn Nhung  
Ông Ngô Minh Tuấn  
Ông Lê Văn Nhã Phương  
Ông Nguyễn An Duy  
Ông Nguyen Tom Thanh  
Ông Nguyễn Quốc Định  
Ông Dương Hoàng Vũ  
Ông Trần Hoài Hạnh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 18 tháng 1 năm 2024)  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 18 tháng 1 năm 2024)  
Phó Tổng Giám đốc  
(đến ngày 18 tháng 1 năm 2024)  
Kế toán trưởng  
(từ ngày 23 tháng 2 năm 2024)  
Kế toán trưởng  
(đến ngày 23 tháng 2 năm 2024)

**Ủy ban kiểm toán**

Ông Hoàng Đức Hùng  
Ông Trương Minh Hùng

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán  
Thành viên ban Kiểm toán

**Người đại diện pháp luật**

Bà Trần Thị Đào

Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Số 4 Đường 30/4, Phường 1  
Thành phố Cao Lãnh  
Tỉnh Đồng Tháp  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

1400  
CÔ  
P DU  
IMEX  
LÃNH



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



*Nguyễn An Duy*  
Phó Tổng Giám đốc  
Ủy quyền bởi Người đại diện pháp luật  
Thư ủy quyền số 24/UQ-IMP ngày 18 tháng 1 năm 2024

Tỉnh Đồng Tháp, ngày 13 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

33-C  
Y  
HẨM  
.RM  
XÔNG T





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 9 tháng 8 năm 2023.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00593-24-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Phạm Thị Hoàng Anh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 3434-2022-007-1



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.359.274.706.555</b>	<b>1.207.134.868.323</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>127.521.202.725</b>	<b>106.200.569.241</b>
Tiền	111		47.521.202.725	106.200.569.241
Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>132.000.000.000</b>	<b>93.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	132.000.000.000	93.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>378.932.523.172</b>	<b>296.563.369.409</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	338.987.223.795	256.814.120.627
Trả trước cho người bán	132	10	28.688.461.899	34.821.538.440
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	15.150.415.728	7.683.749.363
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.893.578.250)	(2.756.039.021)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>713.157.927.499</b>	<b>699.445.523.731</b>
Hàng tồn kho	141		716.222.713.628	702.155.924.857
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.064.786.129)	(2.710.401.126)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.663.053.159</b>	<b>11.925.405.942</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16(a)	4.723.551.669	6.539.033.309
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(b)	2.939.501.490	5.386.372.633

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.145.717.217.938</b>	<b>1.185.480.288.796</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.257.399.878</b>	<b>2.257.399.878</b>
Phải thu dài hạn khác	216		2.257.399.878	2.257.399.878
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>904.949.583.800</b>	<b>935.553.291.815</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	829.886.986.206	861.403.061.439
Nguyên giá	222		1.467.370.280.703	1.450.906.363.731
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(637.483.294.497)	(589.503.302.292)
Tài sản cố định vô hình	227	14	75.062.597.594	74.150.230.376
Nguyên giá	228		103.413.535.219	101.608.535.219
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.350.937.625)	(27.458.304.843)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>48.179.125.043</b>	<b>47.350.656.599</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	48.179.125.043	47.350.656.599
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>8(b)</b>	<b>71.283.063.350</b>	<b>71.283.556.350</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		70.948.582.700	70.948.582.700
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		617.550.000	617.550.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(283.069.350)	(282.576.350)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>119.048.045.867</b>	<b>129.035.384.154</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16(b)	119.048.045.867	129.035.384.154
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.504.991.924.493</b>	<b>2.392.615.157.119</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>427.328.101.528</b>	<b>308.036.213.534</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>427.328.101.528</b>	<b>308.036.213.534</b>
Phải trả người bán	311	17	71.751.550.903	70.504.681.886
Người mua trả tiền trước	312		3.808.249.181	5.869.730.558
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18(a)	20.986.837.670	21.867.864.194
Phải trả người lao động	314		11.345.557.130	57.058.335.353
Chi phí phải trả	315	19	39.392.893.427	47.290.412.702
Doanh thu chưa thực hiện	318	20	40.549.841.475	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	94.896.991.914	20.920.170.356
Vay ngắn hạn	320	22	96.413.185.377	49.421.829.063
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	48.182.994.451	35.103.189.422
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.077.663.822.965</b>	<b>2.084.578.943.585</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>2.077.663.822.965</b>	<b>2.084.578.943.585</b>
Vốn cổ phần	411	25	700.384.490.000	700.384.490.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		507.368.247.904	507.368.247.904
Vốn khác	414		2.420.789.142	2.420.789.142
Cổ phiếu quỹ	415		(358.600.000)	(358.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		434.668.679.280	434.668.679.280
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	421		433.180.216.639	440.095.337.259
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		305.336.542.969	121.890.418.408
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		127.843.673.670	318.204.918.851
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.504.991.924.493</b>	<b>2.392.615.157.119</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Ngọc  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Dương Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn An Duy  
Phó Tổng Giám đốc  
Ủy quyền bởi Người đại diện pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	1.127.493.294.137	924.510.342.872
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	119.170.840.139	5.546.980.851
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>1.008.322.453.998</b>	<b>918.963.362.021</b>
Giá vốn hàng bán	11	28	627.232.667.790	494.926.673.400
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>381.089.786.208</b>	<b>424.036.688.621</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	4.685.039.271	14.585.173.253
Chi phí tài chính	22	30	12.100.012.461	14.567.245.630
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.260.254.658	2.653.944.912
Chi phí bán hàng	25	31	152.772.444.889	163.147.362.911
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	60.173.913.274	63.463.311.421
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>160.728.454.855</b>	<b>197.443.941.912</b>
Thu nhập khác	31		1.472.097.638	1.743.991.428
Chi phí khác	32		1.344.278.032	26.523.874
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>127.819.606</b>	<b>1.717.467.554</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>160.856.274.461</b>	<b>199.161.409.466</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	33.012.600.791	41.659.689.098
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>127.843.673.670</b>	<b>157.501.720.368</b>
			<b>Điều chỉnh lại</b>	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.540	1.897

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Hồng Ngọc  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Dương Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn An Duy  
Phó Tổng Giám đốc

Uỷ quyền bởi Người đại diện pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>160.856.274.461</b>	<b>199.161.409.466</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		52.994.370.597	30.182.648.947
Các khoản dự phòng	03		1.492.417.232	(1.192.060.836)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(59.812.962)	285.838.412
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(2.169.063.176)	(12.090.362.205)
Chi phí lãi vay	06		1.260.254.658	2.653.944.912
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>214.374.440.810</b>	<b>219.001.418.696</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(80.906.453.656)	(21.836.727.734)
Biến động hàng tồn kho	10		(14.066.788.771)	(220.369.410.515)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		19.664.243.740	16.272.343.202
Biến động chi phí trả trước	12		11.802.819.927	(10.846.677.594)
			<b>150.868.262.050</b>	<b>(17,779,053,945)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.262.334.174)	(3.246.212.843)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(35.124.100.451)	(46.855.560.507)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(47.315.133.501)	(5.195.873.147)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>67.166.693.924</b>	<b>(73.076.700.442)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(61.617.149.951)	(41.486.028.989)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.720.000.000	1.292.272.726
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(132.000.000.000)	(303.000000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		93.000.000.000	211.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		3.036.800.611	7.582.169.866
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(92.860.349.340)</b>	<b>(124.311.586.397)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2024 VND	30/6/2023 VND	
	Tiền thu từ đi vay	33	137.686.230.506	180.317.558.126
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(90.694.874.192)	(94.980.000.000)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>46.991.356.314</b>	<b>85.337.558.126</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>21.297.700.898</b>	<b>(112.050.728.713)</b>
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	106.200.569.241	178.845.070.328
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	22.932.586	(8.905.623)
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>127.521.202.725</b>	<b>66.785.435.992</b>

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:



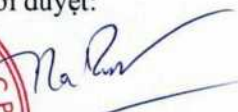
Nguyễn Hồng Ngọc  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Dương Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn An Duy  
Phó Tổng Giám đốc  
Uỷ quyền bởi Người đại diện pháp luật

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (“Công ty”) tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Tỉnh Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400384433 lần đầu ngày 1 tháng 8 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 32 ngày 1 tháng 8 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 15 tháng 11 năm 2006 với mã chứng khoán IMP theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A phần II Phụ lục Số 4 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại, nay là Bộ Công thương).

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 23 chi nhánh và 3 công ty liên kết (1/1/2024: 25 chi nhánh và 3 công ty liên kết) như sau:

Số	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	Sản xuất và bán buôn dược phẩm	Tỉnh An Giang	31,56%	31,56%
2	Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu	Tỉnh Long An	23,56%	23,56%



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Số	Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết tại ngày	
				30/6/2024	1/1/2024
3	Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	Sản xuất và bán buôn dược phẩm	Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1.439 nhân viên (1/1/2024: 1.415 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 8 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng từ 42 đến 50 năm.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Bản quyền**

Bản quyền phần mềm được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(iv) Tài sản khác**

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của tài sản cố định vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí kiểm định chất lượng**

Chi phí kiểm định chất lượng bao gồm các chi phí liên quan để đạt được chứng nhận EU-GMP cho các dây chuyền sản xuất kháng sinh công nghệ cao và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận EU-GMP là 3 năm.

**(ii) Giấy phép lưu hành sản phẩm**

Giấy phép lưu hành sản phẩm cho một số sản phẩm thuốc kháng sinh chịu sự quản lý của Bộ Y tế, nhằm đảm bảo thuốc được lưu hành tuân thủ các quy định của pháp luật và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn giấy phép từ 3 đến 5 năm.

**(iii) Nội thất văn phòng**

Nội thất văn phòng bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa và các chi phí khác liên quan nhằm nâng cao và cải thiện môi trường làm việc của nhân viên. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(v) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê là 50 năm.

**(vi) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thâm định và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 5 năm.

**(j) Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

*Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

*Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021*

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(o) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế của kỳ kế toán trước đó vào mỗi kỳ kế toán theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ mà sản phẩm, hàng hóa được tiêu thụ.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(s) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(t) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi của kỳ báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm giá trị tiềm năng.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm; chế biến dược liệu; bán buôn, xuất khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, và nguyên liệu, hóa chất cho sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất và báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**6. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A phần II Phụ lục Số 4 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại, nay là Bộ Công thương). Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực địa lý là Việt Nam. Trong kỳ, doanh thu trong nước chiếm tỷ trọng chủ yếu, trong khi đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu (dưới 2% cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và không phát sinh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023). Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.533.047.476	1.689.713.457
Tiền gửi ngân hàng	44.971.495.116	104.510.855.784
Tiền đang chuyển	16.660.133	-
Các khoản tương đương tiền (*)	80.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	127.521.202.725	106.200.569.241
	<hr/>	<hr/>

- (\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn dưới ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất từ 4,0% đến 4,2% một năm (1/1/2024: không có).

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	132.000.000.000	132.000.000.000	93.000.000.000	93.000.000.000
	<hr/>			

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm từ ngày cuối kỳ lập báo cáo và hưởng lãi suất năm dao động từ 4,2% đến 5,1% một năm (1/1/2024: 5,3% đến 8,0% một năm).



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cổ phiếu	30/6/2024			Số cổ phiếu	1/1/2024		
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Công ty liên kết</b>								
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (*)	7.304.216	66.958.582.700	292.168.640.000	-	6.521.622	66.958.582.700	163.149.243.700	-
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	330.800	3.808.000.000	(**)	-	330.800	3.808.000.000	(**)	-
▪ Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại	-	182.000.000	(**)	(182.000.000)	-	182.000.000	(**)	(182.000.000)
		<u>70.948.582.700</u>	<u>292.168.640.000</u>	<u>(182.000.000)</u>		<u>70.948.582.700</u>	<u>163.149.243.700</u>	<u>(182.000.000)</u>
<b>Đơn vị khác</b>								
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (*)	21.600	503.000.000	799.200.000	-	18.000	503.000.000	702.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (*)	1.450	114.550.000	13.480.650	(101.069.350)	1.450	114.550.000	13.973.650	(100.576.350)
		<u>617.550.000</u>	<u>812.680.650</u>	<u>(101.069.350)</u>		<u>617.550.000</u>	<u>715.973.650</u>	<u>(100.576.350)</u>



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty TNHH Dược phẩm Gia Đại đã ngưng hoạt động từ năm 2015. Các công ty liên kết khác đang hoạt động bình thường.

- (\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tương ứng của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán như sau:

	Số cổ phiếu	30/6/2024 Giá niêm yết VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	7.304.216	40.000	292.168.640.000
<b>Đơn vị khác</b>			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	21.600	37.000	799.200.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	1.450	9.297	13.480.650
			812.680.650
			812.680.650
	Số cổ phiếu	1/1/2024 Giá niêm yết VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	6.521.622	25.017	163.149.243.700
<b>Đơn vị khác</b>			
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	18.000	39.000	702.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	1.450	9.637	13.973.650
			715.973.650
			715.973.650

- (\*\*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Khoa học Dinh dưỡng Orgalife	40.024.621.518	21.630.854.427
Công ty Cổ phần Thương mại Newzilan	22.121.698.559	14.964.997.130
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacy	5.957.661.276	10.124.635.810
Các khách hàng khác	270.883.242.442	210.093.633.260
	<hr/>	<hr/>
	338.987.223.795	256.814.120.627

Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu của khách hàng:

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Khoa học Dinh dưỡng Orgalife	40.024.621.518	21.630.854.427
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacy	5.957.661.276	10.124.635.810
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	2.407.803.893	3.954.751.020
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Trả trước cho người bán**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Giải pháp Đóng gói Teampack	5.830.806.080	5.830.806.080
Zhuhai United Laboratories Co., Ltd	5.504.236.500	-
Orioled Hub Limited	3.127.800.000	3.127.800.000
Công ty Cổ phần Armephaco	-	6.411.490.313
Công ty TNHH Thiết bị New Diamond	-	5.140.412.025
Các nhà cung cấp khác	14.225.619.319	14.311.030.022
	<hr/>	<hr/>
	28.688.461.899	34.821.538.440
	<hr/>	<hr/>

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho nhân viên	9.415.104.346	3.617.360.124
Phải thu lãi tiền gửi	1.824.975.341	1.672.515.068
Phải thu khác	3.910.336.041	2.393.874.171
	<hr/>	<hr/>
	15.150.415.728	7.683.749.363
	<hr/>	<hr/>

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	12.692.845.228	-	6.463.064.776	-
Nguyên vật liệu	439.952.177.529	(3.032.208.046)	450.655.025.822	(2.612.268.860)
Công cụ và dụng cụ	5.875.603.699	-	3.732.576.624	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	41.108.292.670	-	13.171.988.053	-
Thành phẩm	212.080.047.597	(32.578.083)	226.513.411.252	(98.132.266)
Hàng hóa	4.513.746.905	-	1.619.858.330	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	716.222.713.628	(3.064.786.129)	702.155.924.857	(2.710.401.126)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.710.401.126	5.565.209.751
Tăng trong kỳ	354.385.003	-
Số hoàn nhập trong kỳ	-	(1.577.884.345)
Số dư cuối kỳ	3.064.786.129	3.987.325.406

AP D.P

M.S.C.N. 0100112  
CHI  
CÔNG  
KH  
THÀNH PHỐ

001-C.T.I.N.H  
NH  
TNHH  
G  
CHÍ MINH

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	384.596.690.686	909.162.383.554	107.061.294.123	50.085.995.368	1.450.906.363.731
Tăng trong kỳ	-	9.866.490.619	-	612.787.997	10.479.278.616
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	53.358.766	11.235.506.157	4.243.805.454	313.911.297	15.846.581.674
Phân loại lại	-	3.392.993.182	-	(3.392.993.182)	-
Thanh lý	-	(214.555.500)	(9.647.387.818)	-	(9.861.943.318)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>384.650.049.452</b>	<b>933.442.818.012</b>	<b>101.657.711.759</b>	<b>47.619.701.480</b>	<b>1.467.370.280.703</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	146.890.219.786	326.690.282.407	75.604.861.875	40.317.938.224	589.503.302.292
Khấu hao trong kỳ	6.730.820.208	39.878.948.616	3.293.967.882	2.198.001.109	52.101.737.815
Phân loại lại	-	1.815.720.422	-	(1.815.720.422)	-
Thanh lý	-	(214.555.500)	(3.907.190.110)	-	(4.121.745.610)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>153.621.039.994</b>	<b>368.170.395.945</b>	<b>74.991.639.647</b>	<b>40.700.218.911</b>	<b>637.483.294.497</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	237.706.470.900	582.472.101.147	31.456.432.248	9.768.057.144	861.403.061.439
Số dư cuối kỳ	231.029.009.458	565.272.422.067	26.666.072.112	6.919.482.569	829.886.986.206

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 311.183 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 287.653 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Bản quyền VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	80.217.869.328	18.555.973.068	744.712.823	2.089.980.000	101.608.535.219
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15)	-	1.805.000.000	-	-	1.805.000.000
Số dư cuối kỳ	80.217.869.328	20.360.973.068	744.712.823	2.089.980.000	103.413.535.219
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	8.372.542.059	16.268.447.738	744.712.823	2.072.602.223	27.458.304.843
Khấu hao trong kỳ	293.501.191	581.753.814	-	17.377.777	892.632.782
Số dư cuối kỳ	8.666.043.250	16.850.201.552	744.712.823	2.089.980.000	28.350.937.625
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	71.845.327.269	2.287.525.330	-	17.377.777	74.150.230.376
Số dư cuối kỳ	71.551.826.078	3.510.771.516	-	-	75.062.597.594

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 18.501 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (1/1/2024: 18.028 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

4NH EXI DUC CON A00

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	47.350.656.599	580.743.385.664
Tăng trong kỳ	32.970.320.053	26.636.815.832
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.846.581.674)	(7.122.408.096)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.805.000.000)	(1.988.310.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(1.075.473.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(13.110.035.030)	-
Giảm khác	(304.761.905)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	48.179.125.043	598.269.483.400

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
	Giấy phép lưu hành sản phẩm	14.534.628.613
Dự án tái xét duyệt EU-GMP	18.402.495.789	11.222.594.737
Chi phí tư vấn dự án (*)	15.218.750.641	15.218.750.641
Các công trình khác	23.250.000	3.358.776.116
	<hr/>	<hr/>
	48.179.125.043	47.350.656.599

(\*) Chi phí tư vấn cho dự án xây dựng nhà máy IMP5 mới tại khu Công nghiệp Quảng Khánh, Đồng Tháp. Công ty dự kiến sẽ nhận bàn giao đất khu Công nghiệp và bắt đầu xây dựng trong năm 2024. Nhà máy được dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động năm 2026 - 2027.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**16. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí đồng phục	1.959.801.945	3.965.761.656
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.382.253.966	730.433.808
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	427.737.800	606.927.747
Chi phí sửa chữa, bảo trì	298.638.333	590.787.334
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	655.119.625	645.122.764
	<hr/>	<hr/>
	4.723.551.669	6.539.033.309
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí kiểm định chất lượng VND</b>	<b>Giấy phép lưu hành sản phẩm VND</b>	<b>Nội thất văn phòng VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	47.406.319.270	30.297.129.120	13.507.437.973	11.786.709.116	11.456.081.742	14.581.706.933	129.035.384.154
Tăng trong kỳ	-	-	6.515.730.878	1.414.868.000	-	-	7.930.598.878
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	-	5.107.930.492	5.224.582.583	2.318.167.155	-	459.354.800	13.110.035.030
Phân bổ trong kỳ	(14.286.106.751)	(4.346.850.399)	(3.752.864.717)	(3.005.676.204)	(198.622.305)	(5.437.851.819)	(31.027.972.195)
Số dư cuối kỳ	33.120.212.519	31.058.209.213	21.494.886.717	12.514.068.067	11.257.459.437	9.603.209.914	119.048.045.867



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>30/6/2024</b> Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	<b>1/1/2024</b> Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Alcapharm B.V	16.108.492.800	920.808.000
Chi Nhánh Công Ty TNHH Serveone (Việt Nam)	13.491.530.923	-
Centrient Pharmaceuticals India	12.729.500	11.986.274.625
Các nhà cung cấp khác	42.138.797.680	57.597.599.261
	<b>71.751.550.903</b>	<b>70.504.681.886</b>

Chi tiết nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả người bán:

	<b>30/6/2024</b> Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	<b>1/1/2024</b> Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Alcapharm B.V	16.108.492.800	920.808.000
Chi Nhánh Công Ty TNHH Serveone (Việt Nam)	13.491.530.923	-
	<b>29.599.999.723</b>	<b>920.808.000</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b> VND	<b>1/1/2024</b> VND
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	1.909.839.087	-
	<b>1.909.839.087</b>	<b>-</b>

Khoản phải trả thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	127.949.765.493	(99.691.760.022)	(25.304.958.465)	2.953.047.006
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.663.492.691	-	(6.663.492.691)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.106.596.164	33.012.600.791	-	(35.124.100.451)	16.995.096.504
Thuế thu nhập cá nhân	2.740.856.638	26.666.989.268	-	(28.634.891.912)	772.953.994
Các loại thuế khác	20.411.392	2.420.024.351	-	(2.174.695.577)	265.740.166
	21.867.864.194	196.712.872.594	(99.691.760.022)	(97.902.139.096)	20.986.837.670

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số cân trừ trong kỳ VND	30/6/2024 VND	
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.386.372.633	97.244.888.879	(99.691.760.022)	2.939.501.490



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	27.405.462.727	44.660.752.518
Chi phí duy trì và phát triển thị trường	11.987.430.700	2.629.660.184
	<hr/>	<hr/>
	39.392.893.427	47.290.412.702

**20. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện giá trị của hàng hóa và dịch vụ khuyến mãi có điều kiện từ các chương trình khuyến mãi đang diễn ra trong kỳ, nhưng chưa được hoàn tất và thanh toán cho khách hàng.

**21. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức	70.004.649.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.424.458.000	13.994.200.000
Thù lao và thưởng cho Hội đồng Quản trị	10.203.251.262	4.374.919.375
Kinh phí công đoàn	978.790.881	928.471.519
Các khoản phải trả khác	285.842.771	1.622.579.462
	<hr/>	<hr/>
	94.896.991.914	20.920.170.356

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024		Biến động trong kỳ		30/6/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn (*)	49.421.829.063	49.421.829.063	118.579.634.342	(71.588.278.028)	96.413.185.377	96.413.185.377
Ngân Hàng Sacombank – Chi nhánh Đồng Tháp	-	-	19.106.596.164	(19.106.596.164)	-	-
	49.421.829.063	49.421.829.063	137.686.230.506	(90.694.874.192)	96.413.185.377	96.413.185.377

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất		30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
		30/6/2024	1/1/2024		
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	VND	3,0% - 3,4%	5,1% - 5,8%	96.413.185.377	49.421.829.063

Số dư thể hiện khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng với hạn mức tối đa là 200.000.000.000 Đồng. Đây là khoản vay tín chấp với lãi suất được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể, có thời hạn hoàn trả cho mỗi lần giải ngân hàng không quá 6 tháng kể từ ngày giải ngân nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	35.103.189.422	18.392.676.670
Số trích lập trong kỳ (Thuyết minh 24)	60.394.938.530	39.696.774.478
Số sử dụng trong kỳ	(47.315.133.501)	(5.195.873.147)
Số dư cuối kỳ	48.182.994.451	52.893.578.001



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	667.053.700.000	507.368.247.904	2.420.789.142	(358.600.000)	453.317.592.589	264.645.163.184	1.894.446.892.819
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	157.501.720.368	157.501.720.368
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(66.671.570.000)	(66.671.570.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(39.696.774.478)	(39.696.774.478)
Thưởng Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	(3.055.610.298)	(3.055.610.298)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(17.266.310.029)	17.266.310.029	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	667.053.700.000	507.368.247.904	2.420.789.142	(358.600.000)	436.051.282.560	329.989.238.805	1.942.524.658.411
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	142.054.285.174	142.054.285.174
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	33.330.790.000	-	-	-	-	(33.330.790.000)	-
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.382.603.280)	1.382.603.280	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	700.384.490.000	507.368.247.904	2.420.789.142	(358.600.000)	434.668.679.280	440.095.337.259	2.084.578.943.585



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Vốn khác VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	700.384.490.000	507.368.247.904	2.420.789.142	(358.600.000)	434.668.679.280	440.095.337.259	2.084.578.943.585
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	127.843.673.670	127.843.673.670
Chia cổ tức bằng tiền (i)	-	-	-	-	-	(70.004.649.000)	(70.004.649.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii, v)	-	-	-	-	-	(60.394.938.530)	(60.394.938.530)
Thưởng Hội đồng Quản trị (iv)	-	-	-	-	-	(4.359.206.760)	(4.359.206.760)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	700.384.490.000	507.368.247.904	2.420.789.142	(358.600.000)	434.668.679.280	433.180.216.639	2.077.663.822.965

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-IMP ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2023 như sau:

	<b>VND</b>
Chia cổ tức bằng tiền (i)	70.004.649.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (ii)	70.004.649.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iii)	32.000.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị (iv)	4.359.206.760

- (i) Chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10% mệnh giá của số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Theo Điều 1, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐQT-IMP ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12 tháng 7 năm 2024 và ngày trả cổ tức bằng tiền là ngày 23 tháng 7 năm 2024. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- (ii) Chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo Điều 1, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐQT-IMP ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng Quản trị của Công ty, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua ngày đăng ký cuối cùng là ngày 12 tháng 7 năm 2024. Đến ngày phê duyệt Báo cáo tài chính này, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức cho các cổ đông.
- (iii) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 7,27% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 32.000.000.000 VND.
- (iv) Thưởng Hội đồng Quản trị do vượt kế hoạch lợi nhuận theo tỷ lệ 1% lợi nhuận sau thuế và 5% phần lợi nhuận vượt trên chỉ tiêu kế hoạch.
- (v) Theo Biên bản họp số 627/IMP ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông bất thường, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt về việc hủy bỏ phương án phát hành cổ phiếu ESOP (trước đó đã thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-IMP ngày 28 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông) dành cho nhân sự chủ chốt và chuyển đổi thành phương án thưởng bằng tiền. Theo Điều 3, Nghị quyết số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ-IMP ngày 19 tháng 12 năm 2023, tổng tiền thưởng được Công ty phân phối trong 3 năm từ 2024 đến 2026 và được chia theo tỷ lệ tương ứng của mỗi năm. Theo Điều 1, Quyết định số 29/QĐHC-IMO ngày 8 tháng 4 năm 2024 của Tổng Giám đốc, trong đợt 1 năm 2024 Công ty đã trả 30% phần tiền thưởng cố định của năm với số tiền là 28.394.938.530 VND vào ngày 12 tháng 4 năm 2024; 70% phần tiền thưởng biến đổi theo tỷ lệ tăng trưởng EBITDA của năm tài chính liền trước đó sẽ được chi trả trong tháng 10 năm 2024.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	70.038.449	700.384.490.000	70.038.449	700.384.490.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.038.449	700.384.490.000	70.038.449	700.384.490.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	70.038.449	700.384.490.000	70.038.449	700.384.490.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
SK Investment Vina III Pte. Ltd.	33.389.946	47,67%	33.389.946	47,67%
Tổng Công ty Dược Việt Nam	15.431.360	22,03%	15.431.360	22,03%
Công ty Cổ phần Đầu tư Bình Minh Kim	6.830.357	9,75%	6.830.357	9,75%
Công ty Cổ phần Đầu tư KBA	5.161.512	7,37%	5.161.512	7,37%
Các cổ đông khác	9.225.274	13,18%	9.225.274	13,18%
	70.038.449	100%	70.038.449	100%

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2024		30/6/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	70.038.449	700.384.490.000	66.705.370	667.053.700.000

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	4.107.120.000	3.311.110.000
Trong vòng hai đến năm năm	12.453.535.760	14.259.595.760
	<u>16.560.655.760</u>	<u>17.570.705.760</u>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	24.832,04	626.983.663	24.871,64	598.808.813
EUR	6.222,57	168.090.283	6.222,57	165.694.594
		<u>795.073.946</u>		<u>764.503.407</u>



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hàng sản xuất	1.124.867.032.466	917.870.318.984
▪ Doanh thu hàng hóa khác	2.626.261.671	6.640.023.888
	<hr/>	<hr/>
	1.127.493.294.137	924.510.342.872
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	118.812.548.539	5.270.468.588
▪ Hàng bán bị trả lại	216.624.100	276.512.263
▪ Giảm giá hàng bán	141.667.500	-
	<hr/>	<hr/>
	119.170.840.139	5.546.980.851
Doanh thu thuần	<hr/>	<hr/>
	1.008.322.453.998	918.963.362.021

**28. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Giá vốn hàng sản xuất	561.650.017.964	448.266.801.142
Giá vốn hàng khuyến mãi	62.694.455.402	42.826.037.741
Giá vốn hàng hóa khác	2.533.809.421	5.411.718.862
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	354.385.003	(1.577.884.345)
	<hr/>	<hr/>
	627.232.667.790	494.926.673.400

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	3.144.260.884	10.771.089.479
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.435.965.425	3.787.083.774
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	59.812.962	-
Cổ tức	45.000.000	27.000.000
	4.685.039.271	14.585.173.253

**30. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chiết khấu thanh toán	10.163.851.676	11.053.329.209
Chi phí lãi vay	1.260.254.658	2.653.944.912
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	675.413.127	566.114.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	285.838.412
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	493.000	8.018.500
	12.100.012.461	14.567.245.630

**31. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	66.195.715.661	67.553.664.617
Chi phí nguyên vật liệu	19.051.096.107	36.525.182.053
Chi phí công tác và hội nghị	12.729.583.108	19.883.964.905
Chi phí tiếp thị, duy trì và phát triển thị trường	28.167.490.346	15.053.717.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.247.540.306	10.933.216.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.807.470.063	2.686.691.697
Chi phí sửa chữa	1.027.081.500	751.364.113
Chi phí bán hàng khác	10.546.467.798	9.759.562.089
	152.772.444.889	163.147.362.911



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	25.048.559.375	16.178.166.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.363.567.464	12.930.361.711
Xóa tạm ứng	-	6.696.095.082
Thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát	3.282.781.111	4.064.426.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.108.492.566	2.382.935.910
Chi phí công tác, hội nghị	2.760.301.082	1.672.299.499
Dự phòng phải thu khó đòi	1.137.539.229	377.805.009
Chi phí quản lý khác	16.472.672.447	19.161.220.590
	<b>60.173.913.274</b>	<b>63.463.311.421</b>

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	423.967.877.672	386.865.355.968
Chi phí nhân công và nhân viên	167.875.894.461	164.652.767.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.409.227.590	70.626.972.962
Chi phí khấu hao và phân bổ	52.994.370.597	30.182.648.947
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	87.931.655.633	115.514.244.402
	<b>840.179.025.953</b>	<b>767.841.989.366</b>

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	32.867.081.543	41.659.689.098
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	145.519.248	141.872.788
	<hr/>	<hr/>
	33.012.600.791	41.659.689.098

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	160.856.274.461	199.161.409.466
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	32.171.254.892	39.832.281.893
Thu nhập không chịu thuế	(9.000.000)	(5.400.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	704.826.651	3.824.816.914
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(2.133.882.497)
Dự phòng thiếu trong các kỳ trước	145.519.248	141.872.788
	<hr/>	<hr/>
	33.012.600.791	41.659.689.098

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho các kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	Số liệu trình bày lại	
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	127.843.673.670	157.501.720.368
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) (VND)	(9.294.235.076)	(11.450.375.071)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	118.549.438.594	146.051.345.297
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (ii)	77.004.481	77.004.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) (iii)	1.540	1.897

- (i) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được điều chỉnh lại để phản ánh lợi nhuận phân phối thực tế (7,27% lợi nhuận thuần trong kỳ) đã được thông qua trong Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2024. Do đó, số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được ước tính có cùng tỷ lệ là 7,27% lợi nhuận thuần trong kỳ.
- (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu Điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	77.004.481	66.705.370
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	3.299.279
Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thưởng sau ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Thuyết minh 39)	-	6.999.832
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	77.004.481	77.004.481

**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phân bổ lại quỹ khen thưởng, phúc lợi theo thực tế và ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu thường được trình bày ở trên và được tính lại như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023		
	VND Số liệu báo cáo trước đây	VND Được điều chỉnh lại	VND Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	157.501.720.368	-	157.501.720.368
Trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(23.625.258.055)	12.174.882.984	(11.450.375.071)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	133.876.462.313	12.174.882.984	146.051.345.297
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	66.705.370	10.299.111	77.004.481
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.008	(111)	1.897

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm</b>		
Bán hàng hóa	2.282.445.726	6.280.997.720
Mua hàng hóa	10.697.149.020	6.676.563.400
Bán tài sản cố định	-	658.181.817
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Pharmacy</b>		
Bán hàng hóa	15.511.107.452	-
Mua hàng hóa	583.333	-



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		
<b>Bà Trần Thị Đào – Thành viên</b> Thù lao và tiền thưởng sau thuế	270.000.000	710.000.000
<b>Ông Chung Suyong - Thành viên</b> Thù lao và tiền thưởng sau thuế	183.312.000	-
<b>Ông Trương Minh Hùng - Thành viên</b> Thù lao và tiền thưởng sau thuế	121.500.000	-
<b>Bà Hàn Thị Khánh Vinh - Thành viên</b> Thù lao và tiền thưởng sau thuế	121.500.000	-
<b>Ông Hoàng Đức Hùng – Thành viên</b> Thù lao và tiền thưởng sau thuế	531.015.525	-
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		
<b>Bà Trần Thị Đào – Tổng Giám đốc</b> Thu nhập sau thuế	2.607.676.423	2.462.686.440
<b>Ông Huỳnh Văn Nhung - Phó Tổng Giám Đốc</b> Thu nhập sau thuế	1.406.912.893	1.119.677.380
<b>Ông Ngô Minh Tuấn - Phó Tổng Giám Đốc</b> Thu nhập sau thuế	1.433.407.700	1.077.818.519
<b>Ông Lê Văn Nhã Phương - Phó Tổng Giám Đốc</b> Thu nhập sau thuế	1.566.408.650	1.483.962.096
<b>Ông Nguyễn An Duy - Phó Tổng Giám Đốc</b> Thu nhập sau thuế	1.056.168.000	-
<b>Ông Nguyễn Tom Thanh - Phó Tổng Giám Đốc</b> Thu nhập sau thuế	879.948.000	-
<b>Ông Dương Hoàng Vũ - Kế toán trưởng</b> Thu nhập sau thuế	461.525.477	-



**Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Nguyên giá tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	44.046.377.884	11.271.090.562

**38. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**39. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**Phát hành cổ phiếu trả cổ tức**

Theo thuyết minh 24(ii), đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 26 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10:1 từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (cổ đông hiện hữu sẽ nhận được thêm 1 cổ phiếu thưởng cho mỗi 10 cổ phiếu nắm giữ). Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 6.999.832 cổ phiếu thưởng trị giá 69.998 triệu VND (giảm do cổ phiếu lẻ). Ngoài việc ảnh hưởng đến việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu (Thuyết minh 35), số cổ tức này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ này. Tại ngày 1 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp mới cập nhật việc tăng vốn này.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Ngọc  
Kế toán tổng hợp

Dương Hoàng Vũ  
Kế toán trưởng

Nguyễn An Duy  
Phó Tổng Giám đốc  
Uỷ quyền bởi Người đại diện pháp luật



Số: 24 /UQ-IMP

Thành phố Cao Lãnh, ngày 18 tháng 01 năm 2024

## GIẤY ỦY QUYỀN

**Người ủy quyền: Bà Trần Thị Đào**

- Sinh ngày: 01/5/1952
- Địa chỉ: Số 4 đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Căn cước công dân: 087152005180
- Cấp ngày: 18/08/2022 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

**Người nhận ủy quyền: Ông Nguyễn An Duy**

- Sinh ngày: 01/01/1974
- Địa chỉ: Số 4 đường 30/4, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Dược phẩm Imexpharm
- Căn cước công dân: 087074016040
- Cấp ngày: 10/05/2021 - Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

**\* Nội dung ủy quyền:**

Người nhận ủy quyền được đại diện Công ty CP Dược phẩm Imexpharm thực hiện các công việc sau:

1. Ký các báo cáo tài chính, tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty;
2. Ký các báo cáo thuế, tài liệu, hồ sơ liên quan đến thuế và Hải quan;
3. Ký các hợp đồng, tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc gửi tiền, vay tiền, bảo lãnh, thế chấp, thanh toán nội địa, thanh toán quốc tế và các thủ tục khác tại các Ngân hàng.

**\* Thời gian ủy quyền:** Kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

**\* Trách nhiệm của người nhận ủy quyền:**

Ông Nguyễn An Duy được thực hiện các nội dung ủy quyền trên và chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền.

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN



ThS. Nguyễn An Duy

NGƯỜI ỦY QUYỀN



ĐS. Trần Thị Đào





KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## POWER OF ATTORNEY

Hanoi, 1 January 2024

To whom it may concern,

I, **WARRICK ANTONY CLEINE** (“**Authorisor**”), holding Passport No. LT550250 issued in New Zealand on 8 July 2019, being the General Director and Legal Representative of **KPMG LIMITED** (the “**Company**”) located at 46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72 Building, Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area, Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City, and concurrently the Head of **KPMG Limited Branch** (the “**Branch**”) located at No. 115, Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, hereby authorise the following individual (“**Authorised Person**”):

- Full name : **NELSON RODRIGUEZ CASIHAN**
- Passport
  - + No. : P8211209B
  - + Date of issuance : 20 November 2021
  - + Place of issuance : Philippines
- Position : Deputy General Director

to be my authorised representative to sign the following documents, papers and their amendments and/or novations thereof:

- proposals, bidding documents, engagement letters and contracts for provision of audit services and/or other related services with an amount not exceeding VND5,000,000,000 (in words: five billion Vietnamese Dongs) in relation to each transaction;
- audit, review and/or other service reports in connection with the provision of audit services and other related services; and
- other documents, correspondence and agreements, including the engagement letters with third party contractors, directly related to provision of audit services and/or other related services with an amount not exceeding VND2,000,000,000 (in words: two billion Vietnamese Dongs) for each transaction (not applied to common good/service procurement transactions by the Company or the Branch that are not directly related to the provision of an audit service and/or another related service).







This Power of Attorney comes into effect from the date of signing until 31 December 2024, unless otherwise terminated or extended by another written notice from me.

This Power of Attorney is made into five (05) originals in Vietnamese and five (05) originals in English with equal legal validity. In case there is any discrepancy between the two languages, the Vietnamese shall prevail.

**The Authorisor**



\_\_\_\_\_  
**WARRICK ANTONY CLEINE**

**The Authorised Person**

\_\_\_\_\_  
**NELSON RODRIGUEZ CASIHAN**





Công ty TNHH KPMG  
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72  
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## THƯ ỦY QUYỀN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi các cơ quan hữu quan,

Tôi, **WARRICK ANTONY CLEINE** ("**Người Ủy Quyền**"), Hộ chiếu số LT550250 cấp ngày 8 tháng 7 năm 2019 tại New Zealand, là Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện theo pháp luật của **CÔNG TY TNHH KPMG** ("**Công ty**") có địa chỉ tại Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72 tầng, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, và đồng thời là Người đứng đầu **Chi Nhánh Công Ty TNHH KPMG** ("**Chi nhánh**") có địa chỉ tại số 115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, bằng văn bản này ủy quyền cho cá nhân sau đây ("**Người Được Ủy Quyền**"):

- Họ tên : **NELSON RODRIGUEZ CASIHAN**
- Hộ chiếu
  - + Số : P8211209B
  - + Ngày cấp : 20/11/2021
  - + Nơi cấp : Philippines
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của tôi để ký kết các văn bản, giấy tờ sau đây, kể cả các văn bản được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung của các văn bản, giấy tờ này:

- các hồ sơ/thư đề xuất dịch vụ, hồ sơ dự thầu, các thư thỏa thuận cung ứng dịch vụ và các hợp đồng cung cấp các dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 5.000.000.000VND (bằng chữ: năm tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch;
- các báo cáo kiểm toán, báo cáo soát xét và các báo cáo khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác; và
- các thư từ, trao đổi và thỏa thuận khác, bao gồm thư thỏa thuận với các nhà thầu thứ ba, có liên quan trực tiếp đến việc cung cấp dịch vụ kiểm toán và/hoặc các dịch vụ có liên quan khác với số tiền không vượt quá 2.000.000.000VND (bằng chữ: hai tỷ Đồng Việt Nam) cho mỗi giao dịch (không áp dụng cho các giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ nói chung của Công ty hoặc của Chi nhánh mà không liên quan trực tiếp đến việc cung cấp một dịch vụ kiểm toán và/hoặc một dịch vụ có liên quan khác).







Thư Ủy Quyền này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, trừ trường hợp bị chấm dứt trước thời hạn hoặc được gia hạn thêm bởi thông báo khác bằng văn bản của tôi.

Thư Ủy Quyền này được lập thành năm (05) bản tiếng Việt và năm (05) bản tiếng Anh, có giá trị pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Người Ủy Quyền



WARRICK ANTONY CLEINE

Người Được Ủy Quyền

NELSON RODRIGUEZ CASIHAN

